**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ II MÔN ĐỊA LÍ KHỐI 12**

**NĂM HỌC 2024-2025**

**Họ và tên:………………………………………..Lớp 12/**

**Hình thức:**

**A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7,0 ĐIỂM)**

- 12 câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn A, B, C, D

- 2 Câu trắc nghiệm đúng sai.

- 4 Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn.

**B. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 ĐIỂM)**

**I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN**

**Câu 1.** A-pa-tit được khai thác nhiều ở tỉnh nào sau đây của Trung du và miền núi Bắc Bộ?

**A.** Thái Nguyên. **B.** Cao Bằng. **C.** Yên Bái. **D.** Lào Cai.

**Câu 2.** Phát biểu nào sau đây không đúng với vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

**A.** Diện tích lớn nhất so với các vùng khác. **B.** Phân hóa thành hai tiểu vùng.

**C.** Dân số đông nhất so với các vùng khác. **D.** Giáp cả Trung Quốc và Lào.

**Câu 3.** Loại khoáng sản kim loại có nhiều nhất ở Tây Bắc là

**A.** đồng, niken. **B.** thiếc, bôxit. **C.** đồng, vàng. **D.** apatit, sắt.

**Câu 4.** Loại khoáng sản làm nguyên liệu quan trọng để sản xuất phân lân và có trữ lượng lớn ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

**A.** pi-rit. **B.** gra-phit. **C.** a-pa-tit. **D.** mica.

**Câu 5.** Nguồn than khai thác ở Trung du và miền núi Bắc Bộ được sử dụng chủ yếu cho

**A.** nhiệt điện và hóa chất. **B.** nhiệt điện và luyện kim.

**C.** nhiệt điện và luyện kim. **D.** luyện kim và xuất khẩu.

**Câu 6.** Than được khai thác nhiều ở tỉnh nào sau đây của Trung du và miền núi Bắc Bộ?

**A.** Thái Nguyên. **B.** Phú Thọ. **C.** Cao Bằng. **D.** Yên Bái.

**Câu 7.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về hạn chế tự nhiên chủ yếu của Đồng bằng sông Hồng?

**A.** Thiếu nguyên liệu cho phát triển công nghiệp.

**B.** Một số tài nguyên thiên nhiên đang xuống cấp.

**C.** Có nhiều thiên tai như bão, lũ lụt, hạn hán, rét đậm.

**D.** Hiện tượng xâm nhập mặn diễn ra nghiêm trọng.

**Câu 8.** Dân cư tập trung đông đúc ở Đồng bằng sông Hồng không phải là do

**A.** trồng lúa nước cần nhiều lao động. **B.** vùng mới đuợc khai thác gần đây.

**C.** có nhiều trung tâm công nghiệp. **D.** có nhiều điều kiện lợi cho cư trú.

**Câu 9.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với Đồng bằng sông Hồng?

**A.** Có nhiều thiên tai như bão, lũ lụt, hạn hán. **B.** Số dân đông, mật độ cao nhất cả nước.

**C.** Dân số đông, mật độ cao gây nên sức ép lớn. **D.** Có đầy đủ khoáng sản cho công nghiệp.

**Câu 10.** Phát biểu nào sau đây không đúng về thế mạnh của Đồng bằng sông Hồng?

**A.** Nguồn lao động có trình độ kĩ thuật cao. **B.** Tập trung nhiều trung tâm kinh tế lớn.

**C.** Cơ sở hạ tầng và vật chất - kĩ thuật tốt. **D.** Tài nguyên khoáng sản rất phong phú.

**Câu 11.** Đồng bằng sông Hồng là vùng có

**A.** mật độ dân số cao nhất cả nước. **B.** số dân chiếm một nửa của cả nước.

**C.** gia tăng dân số tự nhiên rất cao. **D.** tỉ lệ dân thành thị thấp nhất cả nước.

**Câu 12.** Đồng bằng sông Hồng là vùng có

**A.** dân cư được phân bố đồng đều. **B.** trình độ đô thị hóa thấp nhất cả nước.

**C.** gia tăng dân số tự nhiên rất cao. **D.** tỉ lệ dân thành thị thấp hơn nông thôn.

**Câu 13.** Đất cát pha ở đồng bằng ven biển Bắc Trung Bộ thuận lợi chủ yếu để

**A.** tập trungchăn nuôi gia súc lớn. **B.** trồngcây công nghiệp hàng năm.

**C.** trồng cây công nghiệp lâu năm. **D.** trồngcây lương thực và nuôi lợn.

**Câu 14.** Thế mạnh để Bắc Trung Bộ phát triển khai thác hải sản là

**A.** có mật độ sông ngòi khá cao. **B.** có một số nguồn nước khoáng.

**C.** rừng tự nhiên có diện tích lớn. **D.** vùng biển rộng, giàu nguồn lợi.

**Câu 15.** Bắc Trung Bộ không tiếp giáp với vùng nào sau đây?

**A.** Đồng bằng sông Hồng. **B.** Trung du và miền núi Bắc Bộ.

**C.** Duyên hải Nam Trung Bộ. **D.** Tây nguyên.

**Câu 16.** Vấn đề có ý nghĩa hàng đầu đối với việc khai thác thế mạnh ở vùng Bắc Trung Bộ là

**A.** chuyên canh cây công nghiệp lâu năm. **B.** trồng cây lương thực và cây thực phẩm.

**C.** phát triển ngành nuôi trồng thủy sản. **D.** phát triển ngành nông, lâm, thủy sản.

**Câu 17.** Vùng gò đồi trước núi của Bắc Trung Bộ có thế mạnh nổi bật về

**A.** chăn nuôi gia súc lớn. **B.** cây công nghiệp hàng năm.

**C.** nuôi trồng thủy sản. **D.** cây lương thực và nuôi lợn.

**Câu 18.** Duyên hải Nam Trung Bộ có tiềm năng nổi bật nhất trong phát triển hoạt động kinh tế nào sau đây?

**A.** Kinh tế biển. **B.** Sản xuất lương thực.

**C.** Thủy điện. **D.** Khai thác khoáng sản.

**Câu 19.** Khu du lịch biển đảo Nha Trang thuộc tỉnh nào sau đây?

**A.** Khánh Hoà. **B.** Phú Yên. **C.** Quảng Ngãi. **D.** Bình Định.

**Câu 20.** Thuận lợi chủ yếu của việc nuôi trồng thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** bờ biển có nhiều vũng vịnh, đầm phá. **B.** có nhiều loài cá quý, loài tôm mực.

**C.** liền kề với các ngư trường rộng lớn. **D.** hoạt động chế biến hải sản đa dạng.

**Câu 21.** Khu du lịch biển đảo Quy Nhơn thuộc tỉnh nào sau đây?

**A.** Khánh Hoà. **B.** Phú Yên. **C.** Quảng Ngãi. **D.** Bình Định.

**Câu 22.** Điều kiện nào sau đây thuận lợi nhất để Duyên hải Nam Trung Bộ xây dựng cảng nước sâu?

**A.** Bờ biển dài, nhiều đầm phá. **B.** Các tỉnh/thành phố đều giáp biển.

**C.** Có nhiều vịnh biển sâu, kín gió. **D.** Ít chịu ảnh hưởng của bão.

**Câu 23.** Thế mạnh để phát triển nuôi trồng thuỷ sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là có

**A.** các đảo ven bờ, các bãi biển đẹp. **B.** các vụng, vịnh, đầm phá và ao hồ.

**C.** vùng biển sâu, nhiều ngư trường. **D.** quần đảo, nhiều bãi cát ven biển.

**Câu 24.** Cây công nghiệp lâu năm nào sau đây quan trọng nhất của Tây Nguyên?

**A.** Chè. **B.** Cao su. **C.** Hồ tiêu. **D.** Cà phê.

**Câu 25.** Nhà máy thủy điện nào sau đây có công suất lớn nhất ở Tây Nguyên?

**A.** Yaly. **B.** Buôn Kuốp. **C.** Xrê Pôk 3. **D.** Đồng Nai 4.

**Câu 26.** Vùng chuyên canh cà phê lớn nhất của nước ta là

**A.** Bắc Trung Bộ. **B.** Đồng Bằng Sông Hồng. **C.** Duyên Hải Nam Trung Bộ. **D.** Tây Nguyên.

**Câu 27.** Hoạt động kinh tế phát triển mạnh ở Tây Nguyên hiện nay là

**A.** phát triển cây ăn quả và lương thực. **B.** chăn nuôi trâu, nuôi trồng thuỷ sản.

**C.** trồng các cây công nghiệp lâu năm. **D.** tập trung khai thác gỗ, khoáng sản.

**Câu 28.** Phát biểu nào sau đây đúng với Tây Nguyên?

**A.** Các vùng đất badan và đất phù sa sông rất rộng lớn.

**B.** Các cao nguyên badan rộng lớn ở độ cao khác nhau.

**C.** Sản xuất hoàn toàn thâm canh, sử dụng nhiều vật tư.

**D.** Có các đô thị quy mô lớn với công nghiệp chế biến.

**Câu 29.** Cây chè được trồng nhiều ở tỉnh nào sau đây của Tây Nguyên?

**A.** Kon Tum. **B.** Đắk Nông. **C.** Đắk lắk. **D.** Lâm Đồng.

**Câu 30.** Tỉnh có diện tích trồng cà phê nhiều nhất Tây Nguyên là

**A.** Kon Tum. **B.** Gia Lai. **C.** Đắk Lắk. **D.** Lâm Đồng.

**Câu 31.** Giải pháp nào sau đây không có tác dụng với việc bảo vệ rừng ở Tây Nguyên?

**A.** Ngăn chặn nạn phá rừng, đốt rừng. **B.** Đẩy mạnh giao đất, giao rừng.

**C.** Phát triển khai thác, chế biến gỗ. **D.** Khai thác hợp lí và trồng rừng.

**Câu 32.** Tây Nguyên trở thành vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm lớn do điều kiện chủ yếu nào sau đây?

**A.** Có nguồn nước tưới dồi dào. **B.** Đất badan tập trung thành vùng lớn.

**C.** Khí hậu phân hóa theo độ cao. **D.** Khí hậu cận xích đạo với 2 mùa rõ rệt.

**Câu 33.** Khó khăn lớn nhất trong phát triển cây cà phê ở Tây Nguyên hiện nay là

**A.** thiếu lao động có trình độ kỹ thuật cao. **B.** giống cây trồng cho năng suất chưa cao.

**C.** thị trường xuất khẩu có nhiều biến động. **D.** công nghiệp chế biến chậm phát triển.

**Câu 34.** Đông Nam Bộ tiếp giáp với vùng nào sau đây?

**A.** Tây Nguyên. **B.** Bắc Trung Bộ. **C.** Đồng bằng sông Hồng. **D.** Trung du và miền núi Bắc Bộ.

**Câu 35.** Đông Nam Bộ dẫn đầu cả nước về diện tích gieo trồng cây công nghiệp nào sau đây?

**A.** Cao su. **B.** Cà phê. **C.** Dừa. **D.** Chè.

**Câu 36.** Thế mạnh nông nghiệp của Đông Nam Bộ là

**A.** cây công nghiệp lâu năm, lúa gạo và chăn nuôi.

**B.** cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả và chăn nuôi.

**C.** cây lúa gạo, cây công nghiệp hàng năm, chăn nuôi.

**D.** cây lương thực, cây công nghiệp lâu năm, chăn nuôi.

**Câu 37.** Phát biểu nào sau đây đúng với Đông Nam Bộ?

**A.** Các vùng đất badan và đất xám phù sa cổ rộng lớn.

**B.** Các cao nguyên badan xếp tầng ở độ cao khác nhau.

**C.** Sản xuất theo kiểu quảng canh và đầu tư ít lao động.

**D.** Nông nghiệp sử dụng nhiều lao động, ít thâm canh.

**Câu 38.** Thế mạnh chủ yếu để phát triển du lịch biển ở Đông Nam Bộ là

**A.** các cửa sông rộng. **B.** bãi biển đẹp và ấm. **C.** có giàn khoan dầu. **D.** thềm lục địa nông.

**Câu 39.** Thế mạnh chủ yếu để phát triển cây công nghiệp nhiệt đới ở Đông Nam Bộ là

**A.** có nhiều loại đất. **B.** khí hậu nóng ẩm. **C.** nhiều sông suối. **D.** địa hình thấp.

**Câu 40.** Đông Nam Bộ tiếp giáp với quốc gia nào sau đây?

**A.** Trung Quốc. **B.** Cam-pu-chia. **C.** Thái Lan. **D.** Lào.

**Câu 41.** Khó khăn lớn nhất của Đông Nam Bộ trong phát triển nông nghiệp là

**A.** diện tích đất canh tác không lớn. **B.** mùa khô sâu sắc, thiếu nước ngọt.

**C.** cơ sở vật chất, kĩ thuật hạn chế. **D.** chậm chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

**Câu 42.** Môi trường là vấn đề cần quan tâm hàng đầu trong việc phát triển công nghiệp ở Đông Nam Bộ do

**A.** khí thải, chất thải từ các nhà máy công nghiệp.

**B.** diện tích rừng bị thu hẹp, khai thác khoáng sản.

**C.** sử dụng lượng nước lớn trong quá trình sản xuất.

**D.** khai thác nhiều tài nguyên thiên nhiên, vốn lớn.

**Câu 43.** Thế mạnh ở Đông Nam Bộ đối với khai thác khoáng sản là

**A.** thềm lục địa rộng lớn với trữ lượng lớn dầu mỏ, khí tự nhiên.

**B.** biển rộng, giàu nguồn lợi sinh vật, gần với các ngư trường lớn.

**C.** biển ấm, có nhiều bãi tắm và phong cảnh thiên nhiên hấp dẫn.

**D.** vùng biển rộng, bờ biển có các vũng biển và có cửa sông sâu.

**Câu 44.** Ý nghĩa quan trọng nhất của hệ sinh thái rừng ngập mặn ở Đông Nam Bộ là

**A.** để cung cấp lượng gỗ củi cho người dân.

**B.** để tham quan du lịch, bảo tồn các di tích.

**C.** bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai.

**D.** cung cấp mặt nước cho việc nuôi thủy sản.

**Câu 45.** Đồng bằng sông Cửu Long dẫn đầu cả nước về sản lượng nông sản nào sau đây ?

**A.** Lúa gạo. **B.** Ngô. **C.** Cà phê. **D.** Cao su.

**Câu 46.** Đồng bằng sông Cửu Long dẫn đầu cả nước về sản lượng nông sản nào sau đây ?

**A.** Thủy sản. **B.** Ngô. **C.** Chè. **D.** Cao su.

**Câu 47.** Phát biểu nào sau đây không đúng với vùng kinh tế trọng điểm ở nước ta?

**A.** Hội tụ được khá nhiều thế mạnh. **B.** Có tỉ trọng lớn trong GDP của cả nước.

**C.** Đã được hình thành từ rất lâu đời. **D.** Bao gồm phạm vi nhiều tỉnh, thành phố.

**Câu 48.** Các đảo nước ta

**A.** đều ở gần nhau tạo nên quần đảo. **B.** đều có rất nhiều loại khoáng sản.

**C.** hầu hết đều nằm ở ngoài khơi xa. **D.** khác nhau về diện tích và dân số.

**Câu 49.** Phát biểu nào sau đây đúng với vùng kinh tế trọng điểm ở nước ta?

**A.** Ranh giới cố định theo thời gian. **B.** Đã được hình thành từ rất lâu đời.

**C.** Có cơ cấu kinh tế không thay đổi. **D.** Hội tụ tương đối đầy đủ các thế mạnh.

**Câu 50.** Biển nước ta

**A.** ổn định, có rất ít thiên tai. **B.** chỉ giáp với một quốc gia.

**C.** nằm ở trong vùng ôn đới. **D.** có nhiều đảo và quần đảo.

**II. DẠNG ĐÚNG/SAI**

**Câu 1.** Cho thông tin sau:

Trung du và miền núi Bắc Bộ giàu tài nguyên khoáng sản nhất nước ta. Một số loại khoáng sản có trữ lượng tương đối lớn, có khả năng khai thác với quy mô công nghiệp như than ở Lạng Sơn, Thái Nguyên; sắt ở Yên Bái, Lào Cai, Hà Giang; đồng ở Sơn La, Bắc Giang; đồng - vàng ở Lào Cai, apatit ở Lào Cai…

**a)** Apatit ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là khoáng sản quan trọng để sản xuất phân lân.

**b)** Than có trữ lượng lớn là nguồn nguyên, nhiên liệu quan trọng cho công nghiệp và xuất khẩu.

**c)** Việc khai thác khoáng sản đòi hỏi chi phí cao, khoa học công nghệ hiện đại gây khó khăn cho quá trình khai thác.

**d)** Giải pháp chủ yếu để đẩy mạnh phát triển công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là tăng cường thăm dò, khai thác triệt để các mỏ đã phát hiện.

**Câu 2.** Cho thông tin sau:

Đồng bằng sông Hồng có vùng biển rộng lớn giàu tiềm năng phát triển kinh tế, lại có cửa khẩu thông thương với Trung Quốc. Đây là vùng có diện tích nhỏ nhưng mật độ dân số cao nhất cả nước. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng rất đa dạng như: địa hình bằng phẳng, đất phù sa màu mỡ, nền nhiệt ẩm dồi dào. Trong năm có một mùa đông lạnh. Sông ngòi của Đồng bằng sông Hồng có giá trị nhiều mặt, một số loại khoáng sản có trữ lượng lớn.

**a)** Đồng bằng sông Hồng là vùng có mật độ dân số cao.

**b)** Vị trí địa lí của vùng thuận lợi để phát triển nông nghiệp nhưng ít thuận lợi cho phát triển giao thông vận tải.

**c)** Đồng bằng sông Hồng có thế mạnh để phát triển du lịch biển, nuôi trồng và khai thác thủy sản, giao thông vận tải biển.

**d)** Đồng bằng sông Hồng thuận lợi để phát triển nông nghiệp nhiệt đới và trồng cây ưa lạnh trong vụ đông.

**Câu 3.** Cho thông tin sau:

Bắc Trung Bộ có diện tích 51,2 nghìn km2, dân số vùng 11 triệu người (2021), lãnh thổ kéo dài từ bắc xuống nam với ba dạng địa hình đồi núi phía tây, đồng bằng chuyển tiếp, thềm lục địa và đảo phía đông. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh.

**a)** Bắc Trung Bộ thuận lợi để phát triển kinh tế biển.

**b)** Phía tây Bắc Trung Bộ tiếp giáp với Biển Đông.

**c)** Bắc Trung Bộ là vùng có nguy cơ chịu ảnh hưởng lớn của thiên tai.

**d)** Sự hình thành và phát triển cơ cấu kinh tế nông - lâm - ngư nghiệp của vùng do sự phân hóa đặc điểm địa hình lãnh thổ.

**Câu 4.** Cho thông tin sau:

Duyên hải Nam Trung Bộ có nhiều điều thuận lợi để phát triển các ngành kinh tế; đường bờ biển dài, nhiều vịnh nước sâu, kín gió; bờ biển có các bãi tắm đẹp, khí hậu thuận lợi; vùng biển có các ngư trường trọng điểm. Vùng biển và thềm lục địa có tiềm năng để phát triển công nghiệp khai thác dầu khí. Ven biển có nhiều điều kiện thuận lợi để sản xuất muối, khai thác cát thuỷ tinh và ôxit ti tan.

**a)** Duyên hải Nam Trung Bộ có điều kiện để phát triển tổng hơp kinh tế biển.

**b)** Vùng biển và thềm lục địa Duyên hải Nam Trung Bộ có tiềm năng về dầu khí lớn lớn nhất nước ta.

**c)** Các ngư trường lớn ở Duyên hải Nam Trung Bộ có nhiều thuận lợi để nuôi trồng thủy sản.

**d)** Vấn đề ô nhiễm môi trường biển, suy giảm tài nguyên biển là thách thức lớn cho phát triển kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ.

**Câu 5.** Cho bảng số liệu:

**Diện tích rừng của vùng Tây Nguyên, giai đoạn 2010 - 2021** *(Đơn vị: nghìn ha)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2020** | **2021** |
| Diện tích rừng tự nhiên | 2653,9 | 2246,0 | 2179,8 | 2104,1 |
| Diện tích rừng trồng | 220,5 | 315,9 | 382,2 | 468,6 |

*(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)*

**a)** Diện tích rừng trồng tăng liên tục.

**b**) Trong cơ cấu rừng, diện tích rừng tự nhiên luôn chiếm tỉ trọng cao hơn.

**c)** Diện tích rừng tự nhiên giảm chủ yếu do mở rộng diện tích trồng lúa.

**d)** Biểu đồ miền là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện sự thay đổi cơ cấu diện tích rừng ở Tây Nguyên giai đoạn 2010 - 2021.

**Câu 6.** Cho bảng số liệu:

**Sản lượng gỗ khai thác của vùng Tây Nguyên, vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ,**

**giai đoạn 2018 - 2021** *(Đơn vị: Nghìn m3)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2018** | **2019** | **2020** | **2021** |
| Trung du và miền núi Bắc Bộ | 4087,8 | 4315,1 | 4419,3 | 4847,9 |
| Tây Nguyên | 685,7 | 699,3 | 712,0 | 753,7 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)*

**a)** Sản lượng gỗ khai thác ở Tây Nguyên tăng liên tục.

**b)** Tốc độ tăng trưởng sản lượng gỗ khai thác của Tây Nguyên chậm hơn Trung du và miền núi Bắc Bộ trong giai đoạn từ 2018 - 2021.

**c)** Sản lượng gỗ khai thác của Tây Nguyên ngày càng giảm do sự suy giảm của tài nguyên rừng.

**d)** Biểu đồ cột là dạng biểu đồ thích hợp nhất để so sánh sản lượng gỗ khai thác của Tây Nguyên với Trung du và miền núi Bắc Bộ giai đoạn 2018 - 2021.

**Câu 7.** Cho thông tin sau:

Đông Nam Bộ có địa hình tương đối bằng phẳng. Đất badan và đất xám phù sa cổ chiếm khoảng 80% tổng diện tích tự nhiên của vùng. Ngoài ra, trong vùng còn có đất phù sa ở hạ lưu các sông Đồng Nai, Vàm Cỏ,…Đông Nam Bộ có khí hậu mang tính chất cận xích đạo, nền nhiệt cao, ít thay đổi trong năm, phân thành hai mùa mưa, khô rõ rệt.

**a)** Đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Bộ thích hợp cho trồng cây công nghiệp.

**b)** Đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Bộ thuận lợi cho phát triển các sản phẩm nông nghiệp cận nhiệt.

**c)** Đông Nam Bộ có nhiệt độ trung bình năm cao, biên độ nhiệt năm thấp.

**d)** Mùa khô kéo dài do tác động của vị trí địa lí, gió và địa hình.

**Câu 8.** Cho thông tin sau:

Tài nguyên du lịch của vùng Đồng bằng sông Cửu Long rất phong phú và độc đáo, có sức hấp dẫn khách du lịch trong và ngoài nước. Vùng có nhiều lợi thế về tự nhiên để phát triển du lịch: hệ thống sông, kênh, rạch chằng chịt và hệ sinh thái rừng ngập mặn, rừng tràm, hệ thống các đảo ven biển tạo nên cảnh quan thiên nhiên độc đáo. Các di tích lịch sử - văn hóa, di tích cách mạng, kiến trúc…rất phong phú.

**a)** Hệ thống kênh, rạch chằng chịt và hệ sinh thái rừng ngập mặn tạo nên cảnh quan thiên nhiên độc đáo.

**b)** Du lịch sinh thái, du lịch sông nước miệt vườn là loại hình du lịch đặc trưng của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

**c)** Loại hình du lịch của vùng Đồng bằng sông Cửu Long đa dạng chủ yếu do chính sách phát triển du lịch phù hợp.

**d)** Phát triển du lịch ở Đồng bằng sông Cửu Long cần gắn với sử dụng hợp lí điều kiện tự nhiên nhằm đảm bảo cho sự phát triển bền vững.

**Câu 9.** Cho thông tin sau:

Đồng bằng sông Cửu Long là khu vực chịu ảnh hưởng nặng nề từ biến đổi khí hậu, bao gồm hiện tượng nước biển dâng và xâm nhập mặn. Để bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, chính quyền và người dân đã tăng cường áp dụng các biện pháp khoa học như xây dựng hệ thống kênh mương thoát nước, đồng thời chuyển đổi cơ cấu cây trồng để thích ứng với điều kiện tự nhiên thay đổi.

**a)** Đồng bằng sông Cửu Long là vùng đang phải đối mặt với tình trạng xâm nhập mặn nặng nhất cả nước.

**b)** Việc xây dựng hệ thống đê điều là biện pháp duy nhất để phòng chống nhiễm mặn.

**c)** Cần hạn chế sự thay đổi cơ cấu cây trồng tại Đồng bằng sông Cửu Long để thích ứng với biến đổi khí hậu.

**d)** Nguyên nhân chính củahiện tượng nước biển dâng và xâm nhập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long là do biến đổi khí hậu và mùa khô kéo dài.

**Câu 10.** Cho thông tin sau:

Nước ta có đường bờ biển dài 3260 km, vùng biển rộng lớn khoảng 1 triệu km2, với hơn 4000 hòn đảo lớn nhỏ, đường bờ biển khúc khuỷu, địa hình bờ biển đa dạng, tài nguyên khoáng sản phong phú, sinh vật đa dạng… ,

**a)** Vùng biển nước ta có nhiều thuận lợi cho phát triển du lịch biển đảo.

**b)** Dầu khí là loại khoáng sản có giá trị kinh tế nhất ở vùng biển.

**c)** Bắc Trung Bộ là vùng có điều kiện thuận lợi nhất để xây dựng cảng nước sâu.

**d)** Một trong những giải pháp quan trọng để khai thác nguồn lợi hải sản là đánh bắt xa bờ.

**III. TRẢ LỜI NGẮN**

**Câu 1.** Năm 2023, tổng đàn trâu cả nước là 2136,0 nghìn con, vùng trung du và miền núi Bắc Bộ có 1193,5 nghìn con. Tính tỉ trọng trâu của Trung du miền núi Bắc Bộ trong tổng đàn trâu cả nước (*làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)*

**Câu 2.** Cho bảng số liệu:

**Giá trị sản xuất công nghiệp của vùng Đồng bằng sông Hồng và cả nước năm 2010 và 2021**

*(Đơn vị: Nghìn tỉ đồng)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2021** |
| Cả nước | 3 045,6 | 13 026,8 |
| Đồng bằng sông Hồng | 859,5 | 4 906,8 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, năm 2022)*

Cho biết tỉ trọng giá trị sản xuất công nghiệp của Đồng bằng sông Hồng năm 2021 chiếm bao nhiêu % giá trị sản xuất công nghiệp của cả nước? *(làm tròn kết quả đến 1 chữ số thập phân của %)*

**Câu 3.** Cho bảng số liệu:

**Diện tích gieo trồng và sản lượng cây lương thực có hạt của Bắc Trung Bộ so với cả nước,**

**giai đoạn 2019 - 2023**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2019** | **2020** | **2021** | **2022** | **2023** |
| Diện tích *(nghìn ha)* | 795,7 | 781,6 | 784,5 | 773,6 | 765,8 |
| Sản lượng *(nghìn tấn)* | 4223,2 | 5819,5 | 4460,8 | 4227,4 | 4393,8 |

*(Nguồn tổng cục thống kê năm 2023)*

Tính năng suất cây lương thực có hạt của Bắc Trung Bộ 2023 *(làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của tạ/ha)*

**Câu 4.** Duyên hải Nam Trung Bộ có số dân 9,4 triệu người, tỉ lệ gia tăng dân số ở mức 0,96% (năm 2021). Tính số dân tăng thêm của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ năm 2021. *(làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ hai của triệu người)*

**Câu 5.** Cho bảng số liệu:

**Diện tích gieo trồng, sản lượng cao su và cà phê ở Tây Nguyên, năm 2021**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây công nghiệp** | **Diện tích** *(nghìn ha)* | **Sản lượng** *(nghìn tấn)* |
| Cao su | 232,2 | 287,7 |
| Cà phê | 657,4 | 1748,2 |

*(Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2022)*

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năng suất cà phê của Tây Nguyên năm 2021 cao hơn năng suất cao su bao nhiêu tạ/ha ? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

**Câu 6.** Cho bảng số liệu:

**Diện tích gieo trồng, sản lượng cà phê và chè ở Tây Nguyên, năm 2021**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây công nghiệp** | **Diện tích** *(nghìn ha)* | **Sản lượng** *(nghìn tấn)* |
| Cà phê | 657,4 | 1748,2 |
| Chè | 11,5 | 135,9 |

*(Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2022)*

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năng suất chè của Tây Nguyên năm 2021 cao hơn năng suất cà phê bao nhiêu tạ/ha ? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

**Câu 7.** Cho bảng số liệu:

**Khối lượng hàng hoá vận chuyển của ngành vận tải đường biển**

**ở nước ta giai đoạn 2010 - 2021** *(Đơn vị: triệu tấn)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2020** | **2021** |
| Khối lượng vận chuyển | 61,6 | 60,8 | 76,1 | 70,0 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, năm 2022)*

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tốc độ tăng trưởng khối lượng hàng hóa vận chuyển của ngành vận tải đường biển ở nước ta, giai đoạn 2010 - 2021. (coi năm 2010 = 100%) (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %).

**Câu 8.** Cho bảng số liệu:

**Khối lượng hàng hoá luân chuyển của ngành vận tải đường biển**

**ở nước ta giai đoạn 2010 - 2021** *(Đơn vị: tỉ tấn.km)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2020** | **2021** |
| Khối lượng luân chuyển | 45,5 | 131,8 | 152,6 | 70,1 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, năm 2022)*

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tốc độ tăng trưởng khối lượng hàng hóa luân chuyển của ngành vận tải đường biển ở nước ta, giai đoạn 2010 - 2021. (coi năm 2010 = 100%) (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %).

**Câu 9.** Năm 2021 tổng số dân của cả nước là 98,5 triệu người, 4 vùng kinh tế trọng điểm chiếm 52,9% dân số cả nước. Cho biết tổng số dân của 4 vùng kinh tế trọng điểm năm 2021 là bao nhiêu triệu người? *(làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của triệu người)*

**Câu 10.** Cho bảng số liệu :

**Diện tích cao su và điều của vùng Đông Nam Bộ, năm 2015 và năm 2021**

*(Đơn vị : nghìn ha)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **2015** | **2021** |
| Cao su | 546,0 | 547,6 |
| Điều | 187,4 | 192,6 |

*(Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam, năm 2011, 2022)*

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết diện tích cây điều năm 2021 so với năm 2015 của vùng Đông Nam Bộ tăng nhiều hơn diện tích cây cao su bao nhiêu nghìn ha ? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

**Câu 11.** Năm 2022, Đồng bằng sông Cửu Long có tổng số dân là 17,4 triệu người, sản lượng thủy sản là 5,1 triệu tấn. Hãy cho biết bình quân sản lượng thủy sản theo đầu người của Đồng bằng sông Cửu Long năm 2022 là bao nhiêu kg/người? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

**Câu 12.** Cho bảng số liệu :

**Sản lượng thủy sản của vùng Đông Nam Bộ, năm 2015 và năm 2021**

*(Đơn vị : Nghìn tấn)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **2015** | **2021** |
| Khai thác | 317,3 | 374,1 |
| Nuôi trồng | 119,1 | 144,2 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, năm 2022)*

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết sản lượng thủy sản khai thác năm 2021 so với năm 2015 của vùng Đông Nam Bộ tăng nhiều hơn sản lượng thủy sản nuôi trồng bao nhiêu nghìn tấn ? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

**Câu 13.** Năm 2023, sản lượng lúa của Đồng bằng sông Cửu Long là 24156,4 nghìn tấn, được gieo trồng trên 3838,6 nghìn ha đất nông nghiệp. Tính năng suất gieo trồng lúa cả năm 2023 của đồng bằng sông Cửu Long (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của tạ/ha).

**Câu 14.** Sản lượng hải sản khai thác của nước ta năm 2023 là 3,86 triệu tấn, trong đó cá biển là 2,98 triệu tấn. Tính tỉ trọng sản lượng khai thác hải sản ngoài cá biển năm 2023. *(làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)*

**Câu 15.** Năm 2021 quy mô GDP của cả nước là 8479,7 nghìn tỉ đồng, vùng kinh tế trọng điểm miền Trung chiếm 5,4%. Giá trị GDP của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung năm 2021 là bao nhiêu nghìn tỉ đồng? *(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của nghìn tỉ đồng)*

**PHẦN IV. Tự luận**

**Câu 1.** Cho bảng số liệu:

**Cơ cấu GRDP của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, năm 2021**

*(Đơn vị: %)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng** | **Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản** | **Công nghiệp, xây dựng** | **Dịch vụ** | **Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm** |
| 100 | 6,4 | 42,6 | 40,8 | 10,2 |

*(Nguồn: Tổng cục Thống kê, năm 2022)*

**a)** Vẽ biểu đồ tròn để thể hiện cơ cấu GRDP của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, năm 2021.

**b)** Nhận xét và giải thích về cơ cấu GRDP của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, năm 2021.

**Câu 2.**  Cho bảng số liệu:

**DIỆN TÍCH CÂY CÀ PHÊ, CAO SU VÙNG TÂY NGUYÊN NĂM 2010 VÀ 2021**

(Đơn vị: nghìn ha)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2021** |
| Cà phê | 527 | 657 |
| Cao su | 215 | 232 |

*(Nguồn: Tổng cục thống kê năm 2010, 2021)*

Vẽ biểu đồ cột thể hiện diện tích cây cà phê và cao su ở Tây Nguyên.

**Câu 3.** Phân tích thế mạnh tự nhiên để phát triển cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên.

**Câu 4.** Cho bảng số liệu:

**Cơ cấu GRDP của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, năm 2021**

*(Đơn vị: %)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng** | **Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản** | **Công nghiệp, xây dựng** | **Dịch vụ** | **Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm** |
| 100 | 3,9 | 42,2 | 43,8 | 10,1 |

*(Nguồn: Tổng cục Thống kê, năm 2022)*

**a)** Vẽ biểu đồ tròn để thể hiện cơ cấu GRDP của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, năm 2021.

**b)** Nhận xét và giải thích về cơ cấu GRDP của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, năm 2021.

**ĐỀ MINH HỌA**

**PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** *(Trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi chỉ chọn một phương án)*

**Câu 1:** Tỉnh nào sau đây ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ vừa giáp Lào vừa giáp Trung Quốc?

**A.** Điện Biên. **B.** Lai Châu. **C.** Hà Giang. **D.** Lạng Sơn.

**Câu 2:** Loại đất nào sau đây có diện tích lớn nhất vùng Đồng bằng sông Hồng?

**A.** Đất phù sa màu mỡ. **B.** Đất nhiễm phèn. **C.** Đất nhiễm mặn. **D.** Đất phù sa pha cát.

**Câu 3:** Đặc điểm nào sau đây **không** đúng về vị trí địa lí Bắc Trung Bộ?

**A.** Cửa ngõ thông ra biển cho đất nước Lào. **B.** Tất cả các tỉnh trong vùng đều giáp biển.

**C.** Nằm trong khu vực có nhiều thiên tai. **D.** Giáp đồng bằng sông Hồng qua tỉnh Nghệ An.

**Câu 4:** Hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là phần lãnh thổ không tách rời của hai tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương của Duyên hải Nam Trung Bộ lần lượt là

**A.** TP. Đà Nẵng và Quảng Nam. **B.** TP. Đà Nẵng và Quảng Ngãi.

**C.** TP. Đà Nẵng và Khánh Hòa. **D.** TP. Đà Nẵng và Bình Định.

**Câu 5:** Khó khăn chủ yếu đối với việc phát triển thủy điện của Tây Nguyên là

**A.** phần lớn có sông ngắn và nhỏ. **B.** mùa khô kéo dài sâu sắc.

**C.** sông chảy trên các cao nguyên. **D.** độ dốc của lòng sông không lớn.

**Câu 6:** Điều kiện tự nhiên thuận lợi hàng đầu để Tây Nguyên có cơ cấu cây công nghiệp lâu năm đa dạng là

**A.** đất badan có tầng phong hóa sâu. **B.** khí hậu mang tính chất cận xích đạo.

**C.** nguồn nước trên mặt khá phong phú. **D.** khí hậu phân hóa theo độ cao địa hình.

**Câu 7:** Cây công nghiệp lâu năm được trồng nhiều ở vùng Đông Nam Bộ là

**A.** cao su, điều, chè. **B.** cao su, chè, dừa.

**C.** cà phê, cao su, dừa. **D.** cao su, điều, hồ tiêu.

**Câu 8.** Hạn chế lớn nhất về tự nhiên để phát triển nông nghiệp ở đồng bằng sông Cửu Long là

**A.** ngập lụt, triều cường diện rộng. **B.** tài nguyên rừng đang suy giảm.

**C.** diện tích đất phèn, đất mặn lớn. **D.** tài nguyên khoáng sản hạn chế.

**Câu 9.** Ngành khai thác thuỷ hải sản phát triển mạnh ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long vì có

**A.** ba mặt giáp biển, ngư trường lớn. **B.** nhiều vùng trũng ngập nước.

**C.** nhiều bãi triều và rừng ngập mặn. **D.** mạng lưới sông ngòi dày đặc.

**Câu 10.** Biện pháp quan trọng hàng đầu để khai thác hiệu quả tiềm năng tự nhiên cho sản xuất nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long là

**A.** phát triển nuôi trồng thủy sản. **B.** giải quyết tốt vấn đề thủy lợi.

**C.** bảo vệ các dải rừng ngập mặn. **D.** cải tạo vùng đất nhiễm phèn.

**Câu 11.** Vùng kinh tế trọng điểm nào sau đây có diện tích tự nhiên và dân số lớn nhất?

**A.** Bắc Bộ. **B.** Miền Trung.

**C.** Phía Nam. **D.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 12.** Vùng kinh tế trọng điểm nào sau đây có đóng góp lớn nhất vào GDP của nước ta?

**A.** Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

**B.** Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

**C.** Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

**D.** Vùng kinh tế trọng điểm Đồng bằng sông Cửu Long.

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.** *(Trả lời từ câu 1 đến câu 2. Trong mỗi ý a),b),c),d) ở mỗi câu, chọn đúng hoặc sai)*

**Câu 1:** Cho bảng số liệu:

**Diện tích rừng của Tây Nguyên, giai đoạn 2010 - 2021**

*(Đơn vị: Nghìn ha)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2020** | **2021** |
| Diện tích rừng tự nhiên | 2 653,9 | 2 246,0 | 2 179,8 | 2 104,1 |
| Diện tích rừng trồng | 220,5 | 315,9 | 382,2 | 468,6 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, năm 2022)*

**a)** Tổng diện tích rừng, diện tích rừng tự nhiên và diện tích rừng trồng của Tây Nguyên tăng liên tục.

**b)** Diện tích rừng tự nhiên chiếm tỉ trọng cao hơn trong cơ cấu diện tích rừng của Tây Nguyên và đang giảm.

**c)** Diện tích rừng trồng tăng lên liên tục qua các năm do chính sách đẩy mạnh trồng rừng của Nhà nước.

**d)** Biểu đồ tròn là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện cơ cấu diện tích rừng của Tây Nguyên, giai đoạn 2010 - 2021.

**Câu 2.** Cho thông tin sau:

Đồng bằng sông Cửu Long có mạng lưới sông ngòi, kênh rạch dày đặc, hệ thống sông Cửu Long với 2 nhánh lớn là sông Tiền và sông Hậu. Sông ngòi có vai trò quan trọng về thuỷ lợi, giao thông đường sông và phát triển du lịch.

**a)** Bề mặt Đồng bằng sông Cửu Long có hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt nên bị chia thành nhiều ô nhỏ.

**b)** Mạng lưới sông ngòi ở Đồng bằng sông Cửu Long còn có tiềm năng thủy điện lớn, cung cấp năng lượng cho vùng.

**c)** Nguồn nước ngọt có vai trò chủ yếu với Đồng bằng sông Cửu Long là thau chua, rửa mặn đất đai, phục vụ sinh hoạt.

**d)** Dọc theo các hệ thống sông của Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay đang chịu ảnh hưởng nghiêm trọng của hiện tượng sạt lở.

**PHẦN III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn.** *(Trả lời từ câu 1 đến câu 4)*

**Câu 1:** Biết năm 2022, vùng Tây Nguyên có tổng diện tích tự nhiên là 54,5 nghìn km2, tổng số dân là 6092,4 nghìn người. Hãy cho biết mật độ dân số vùng Tây Nguyên năm 2022 là bao nhiêungười/km2 *(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).*

**Câu 2:** Biết năm 2021, vùng Đông Nam Bộ có dân số là 18,3 triệu người, tỉ lệ dân số thành thị chiếm 66,4%. Hãy cho biết dân số thành thị của vùng Đông Nam Bộ năm 2021 là bao nhiêu triệu người? *(làm tròn kết quả đến một chữ số của phần thập phân).*

**Câu 3:**  Biết năm 2021 vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có dân số là 21,8 triệu người, quy mô GRDP của vùng là 2 826,2 nghìn tỉ đồng. Hãy cho biết bình quân thu nhập GRDP theo đầu người của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam năm 2021 là bao nhiêu triệu đồng/người? ( *làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).*

**Câu 4:** Cho bảng số liệu:

**DIỆN TÍCH, SẢN LƯỢNG LÚA CỦA ĐBSCL VÀ CẢ NƯỚC NĂM 2022**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Vùng** | **Diện tích**  *(nghìn ha)* | **Sản lượng**  *(nghìn tấn)* |
| Cả nước | 7109,0 | 42660,7 |
| Đồng bằng sông Cửu Long | 3802,6 | 23536,3 |

*(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2022, NXB Thống kê Việt Nam, 2023)*

Cho biết vùng Đồng bằng sông Cửu Long có năng suất lúa năm 2022 cao hơn trung bình cả nước bao nhiêu tạ/ha? *(làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất)*

**B. TỰ LUẬN (2 điểm)**

**Câu 1.** *(2,0 điểm)*Cho bảng số liệu:

**Cơ cấu GRDP của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, năm 2021**

*(Đơn vị: %)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng** | **Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản** | **Công nghiệp, xây dựng** | **Dịch vụ** | **Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm** |
| 100 | 3,9 | 42,2 | 43,8 | 10,1 |

*(Nguồn: Tổng cục Thống kê, năm 2022)*

**a)** Vẽ biểu đồ tròn để thể hiện cơ cấu GRDP của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, năm 2021.

**b)** Nhận xét và giải thích về cơ cấu GRDP của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, năm 2021.

**Câu 2** (1,0 điểm) Giải thích tại sao phải sử dụng hợp lí tự nhiên vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

----------- HẾT ----------